

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2025/HNGĐ - ST

Ngày 23 – 9 – 2025

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Châu Ngọc

2. Bà Nguyễn Thị Sương

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Kim Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Vĩnh Long: Không tham gia.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 279/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 130/2025/QĐST – DS ngày 09 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Ngô Hoàng N, sinh năm 1986

Nơi cư trú: ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nay là: ấp Đ, xã N, tỉnh Vĩnh Long (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 13/8/2025).

2. *Bị đơn:* Chị Lê Thị Mỹ H, sinh năm 1992

Nơi cư trú: ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nay là: ấp Đ, xã N, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/6/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là anh Ngô Hoàng N trình bày: Anh N và chị Hoàng C nhau năm 2011, hôn nhân do quen biết, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến tháng 5/2013 thì phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng ly thân từ tháng 5/2013 đến nay.

Nguyên nhân mất hạnh phúc là do chị H có mối quan hệ với người đàn ông khác bên ngoài, đến tháng 5/2013 chị H bỏ nhà đi. Nay anh N không còn tình cảm với chị H nên yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 người con tên Ngô Trí T, sinh ngày 05/12/2007, hiện đang sống chung với anh N.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay anh N yêu cầu ly hôn với chị Lê Thị Mỹ H; về con chung: Anh N yêu cầu nuôi con tên Ngô Trí T, sinh ngày 05/12/2007 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

Chị Lê Thị Mỹ H đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án nhưng không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của anh N.

Các đương sự không yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng và không cung cấp thêm chứng cứ, tài liệu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 13/8/2025; bị đơn là chị Lê Thị Mỹ H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh N, chị H theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Anh N và chị H sống chung với nhau trên sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, cho thấy hôn nhân giữa anh N và chị H là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh N và chị H sống chung với nhau đến tháng 5/2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 5/2013 đến nay. Trong khoảng thời gian ly thân anh N và chị H không quan tâm, liên lạc với nhau và không tự đoàn tụ được. Quá trình giải quyết vụ án anh N cho rằng không còn tình cảm với chị H và cương quyết yêu cầu ly hôn. Phía chị H không có yêu cầu phản tố hay ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của anh N. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của anh N và chị H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh N là có cơ sở theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Anh N trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 người con tên Ngô Trí T, sinh ngày 05/12/2007, hiện đang sống chung với chị H.

Xét thấy, trong thời gian anh N, chị H ly thân cháu Ngô Trí T vẫn sống chung với anh H, vẫn phát triển về thể chất và tâm sinh lý bình thường. Hơn nữa, tại bản tự khai ngày 09/6/2025 cháu T có nguyện vọng sống với cha là anh N. Do đó, nhằm tránh làm xáo trộn sự phát triển về tâm sinh lý và thể chất của trẻ nên cần tiếp tục giao cháu Ngô Trí T cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh N không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số N_o 0002369 ngày 09/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2, tỉnh Vĩnh Long), anh N không phải nộp thêm.

[4] Về quyền kháng cáo: Anh N và chị H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Hoàng N

1. Về hôn nhân: Cho anh Ngô Hoàng N được ly hôn với chị Lê Thị Mỹ H.
2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung là Ngô Trí T, sinh ngày 05/12/2007 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh N không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số No 0002369 ngày 09/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2, tỉnh Vĩnh Long), anh N không phải nộp thêm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo thời hạn 15 (Mười lăm) ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 2, tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 2, tỉnh Vĩnh Long;
- Dương sự;
- UBND xã Ngãi Tứ, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Thảo

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Sương

Phan Châu Ngọc

Trần Thanh Thảo